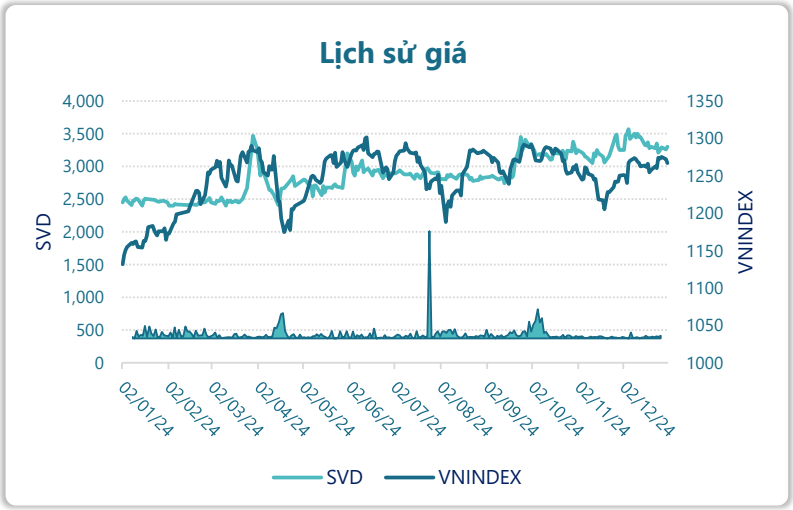
FireAnt

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,570
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	27,605,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,735
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	91
P/E	6.7
EPS	492

DT thuần

Q4/24

114

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0| 11.6%

YoY: ▲ 37.0| 47.8%

LN sau thuế

Q4/24

10.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.12| 354%

YoY: ▲ 19.6| 213%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.5%

+/- YoY: ▲ 15.3%

DT thuần

2024

386

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 127| 49.3%

LN sau thuế

2024

13.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.1| 137%

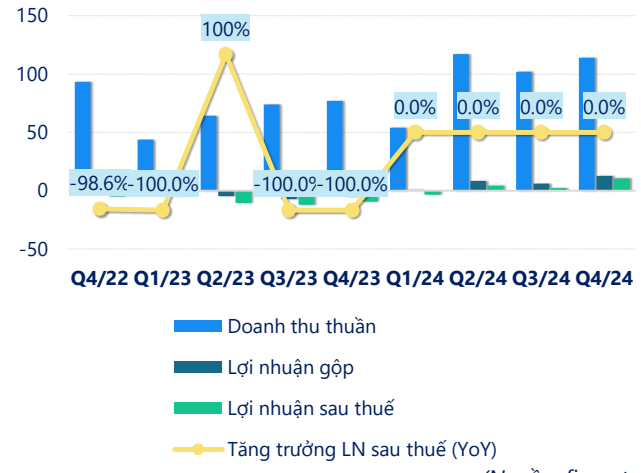
ROE

2024

5.4%

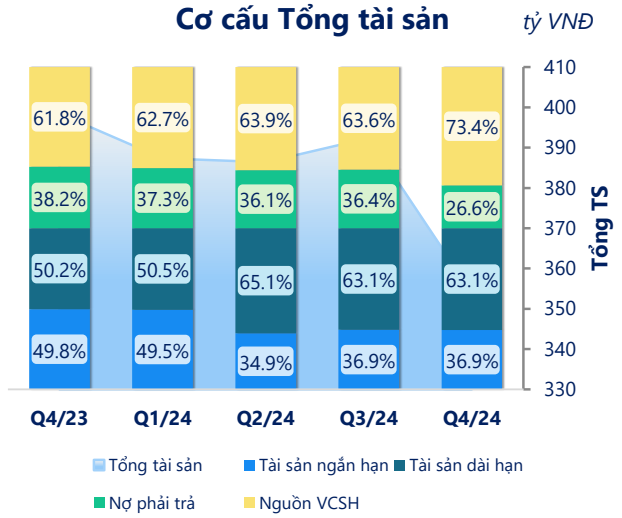
+/- YoY: ▲ 19.2%

Kết quả kinh doanh



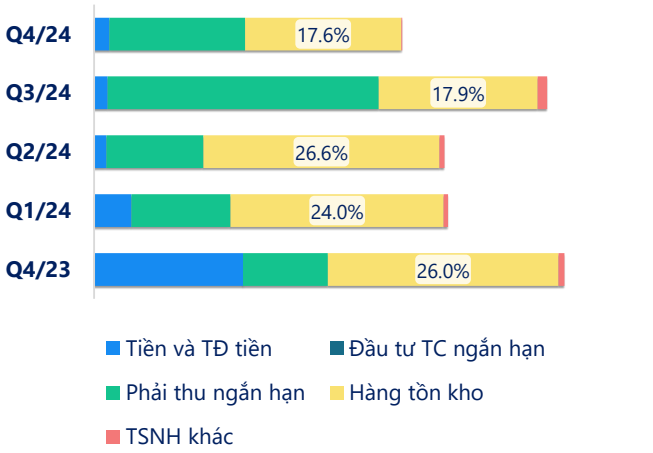
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



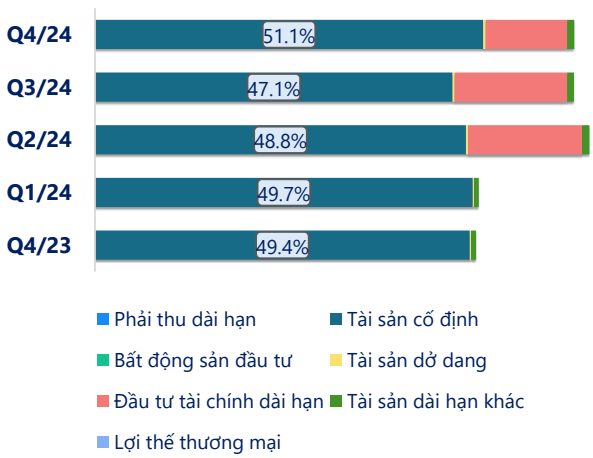
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



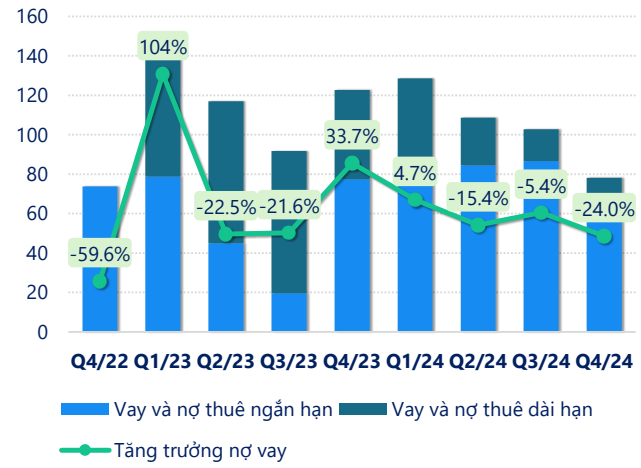
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



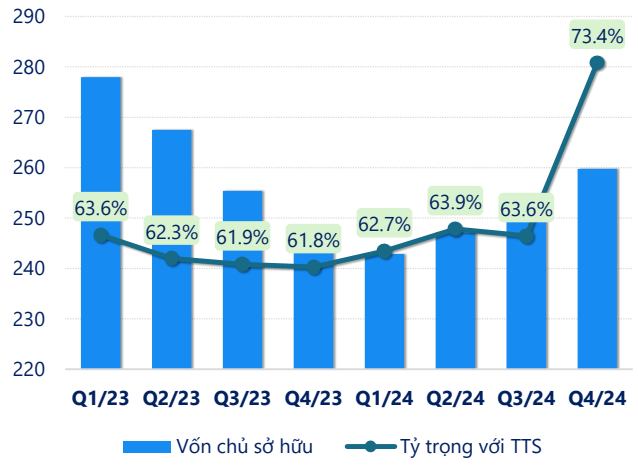
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



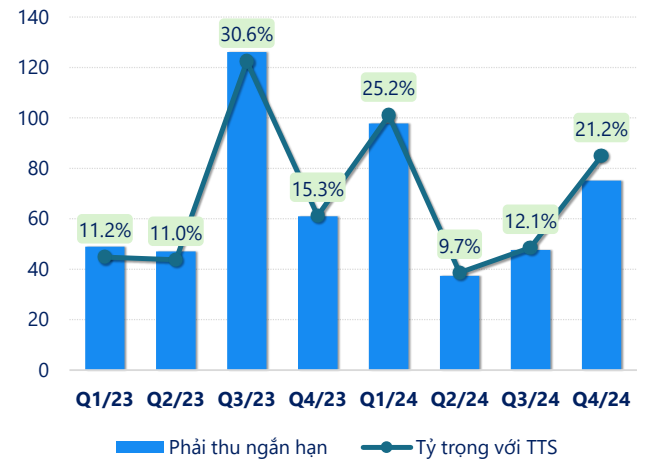
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



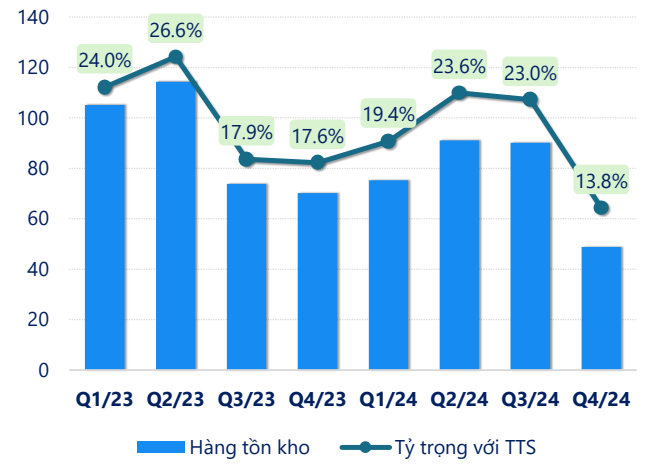
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



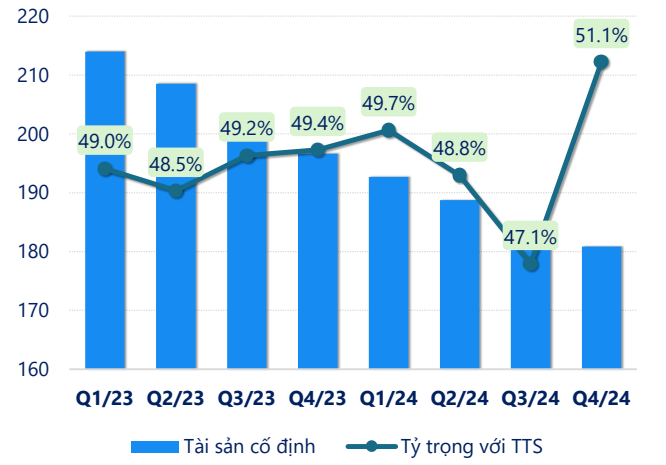
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



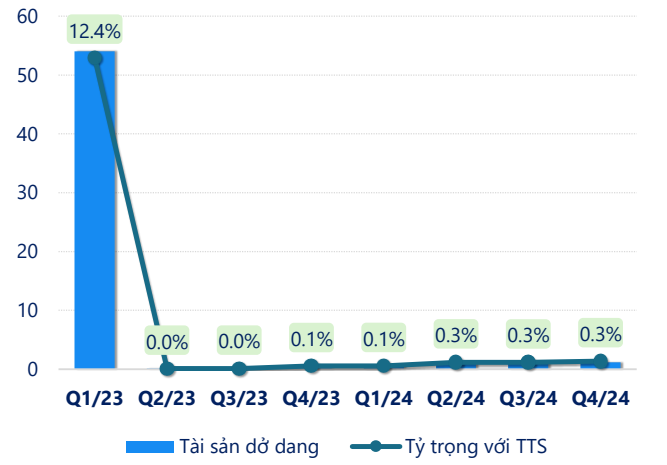
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



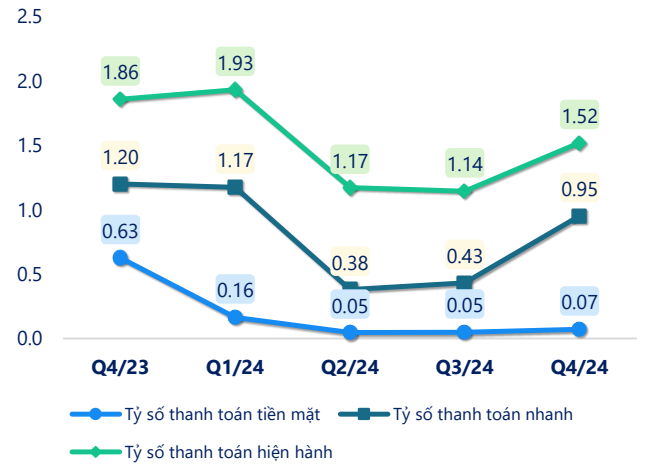
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



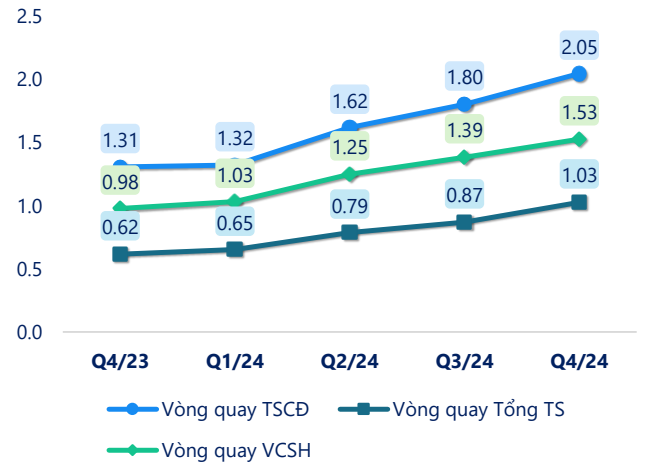
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**398**	**387**	**386**	**392**	**354**
Tài sản ngắn hạn	**199**	**192**	**135**	**145**	**131**
Tiền và tương đương tiền	66.9	16.3	5.36	6.05	6.10
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	61.0	97.8	37.4	47.6	75.2
Hàng tồn kho	70.2	75.3	91.1	90.2	48.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	2.30	1.04	1.12	0.53
Tài sản dài hạn	**200**	**196**	**252**	**247**	**223**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	197	193	189	185	181
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.52	0.52	1.07	1.07	1.15
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	58.0	58.0	38.0
Tài sản dài hạn khác	2.71	2.50	3.77	3.58	3.35
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**152**	**145**	**139**	**143**	**94.2**
Nợ ngắn hạn	**107**	**99.2**	**115**	**127**	**86.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	77.4	83.3	84.5	86.6	69.9
Phải trả người bán ngắn hạn	4.33	1.65	12.7	17.9	6.39
Nợ dài hạn	45.3	45.3	24.2	16.2	8.24
Vay và nợ thuê dài hạn	45.3	45.3	24.2	16.2	8.24
Nguồn vốn chủ sở hữu	**246**	**243**	**247**	**249**	**260**
Vốn chủ sở hữu	**246**	**243**	**247**	**249**	**260**
Vốn điều lệ	276	276	276	276	276
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)